

Bản án số: 120/2021/HSST
Ngày: 09-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐT, TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Giới và ông Lương Xuân Sớm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐT tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Th1 Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 115/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2021/QĐXXST- HS ngày 25 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Trần L**, tên gọi khác: không; sinh ngày 28/7/1997, tại thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Tổ 5, khu 1, phường TS, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Công nhân Công ty kho vận Đá Bạc; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Quốc Bình và bà Trần Thị Th; vợ: Đoàn Thị N, sinh năm 1998 (đã ly hôn); con: Có 01 (một) con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Chưa có; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/5/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

**** Bị hại:***

- Chị Nguyễn Thị M; sinh năm 1985; địa chỉ: Khu VT 1, phường MK, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

+ Chị Nguyễn Thị Th; sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn 4, xã NH, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

+ Chị Nguyễn Thị Th2; sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu 6, phường TS, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

**** Người làm chứng:***

- Chị Trần Thị Th3; sinh năm 1977; nơi cư trú: Khu 1, phường TS, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen và biết chị Nguyễn Thị M gặp vấn đề trong tình cảm, nên khoảng tháng 3/2020 L nảy sinh ý định lừa dối chị M để chiếm đoạt tài sản L bảo chị M phải làm lễ cúng “cắt Dên âm”. Sau đó, L dùng số điện thoại khác (không xác định được) tạo lập 01 (một) tài khoản mạng xã hội Zalo lấy tên Tâm và giới thiệu với chị M người này là bạn của mình, hiện đang làm nghề thầy cúng, có thể giúp chị M làm lễ “Cắt Dên âm”, đồng thời cho chị M tên tài khoản zalo mang tên Tâm để chị M liên lạc. Khi chị M liên lạc với tài khoản zalo trên thì L lấy danh nghĩa người tên Tâm nói với chị M về việc muốn chuyện tình cảm được Th1ận lợi phải làm lễ “cắt Dên âm”, với chi phí là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), trong đó 6.000.000đ (sáu triệu đồng) là tiền mua lễ và 6.000.000đ (sáu triệu đồng) tiền công cúng lễ, chị M đồng ý nhờ Tâm làm lễ cúng. Lấy danh nghĩa là người tên Tâm, L yêu cầu chị M chuyển tiền cho L và nói để L mua giúp lễ cúng, còn tiền công thì L sẽ đưa lại cho Tâm. Sau đó chị M đã chuyển cho L số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), L dùng để tiêu sài cá nhân.

Đến đầu tháng 5/2020, biết chị M đang có nhu cầu xin vào làm kế toán tại trường Trung học phổ thông Hoàng Quốc Việt (địa chỉ tại phường Mạo Khê, thị xã ĐT) nên L tiếp tục nảy sinh ý định lừa dối chị M để chiếm đoạt tài sản. Sau đó, L nài ra người tên D và giới thiệu với chị M người này nhà ở huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình và là cháu của một lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh nên có khả năng xin việc làm, rồi cho chị M số điện thoại 0848.041.348 nói là của người tên D nêu trên (nhưng thực chất là số điện thoại khác của L) để chị M liên lạc.

Chị M kết bạn qua mạng xã hội Zalo với số điện thoại mà L đã cho và nhắn tin nói chuyện về việc xin việc làm, qua tài khoản Zalo lấy tên D, L nói với chị M mình là người có khả năng xin được việc cho chị M vào làm kế toán tại trường Trung học phổ thông Hoàng Quốc Việt và yêu cầu chị M phải đưa số tiền chi phí xin việc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), chị M đồng ý và nói sẽ đưa tiền cho D thông qua L. Sau đó, chị M liên lạc với L qua số điện thoại 0904.186.211 nói lại nội dung trên thì L hứa: Nếu người tên D không lo được việc thì L sẽ chịu trách nhiệm. Sau đó L cho chị M 04 (bốn) số tài khoản ngân hàng để chị M chuyển tiền vào gồm: Tài khoản số 1068.7064.4321 của chị Nguyễn Thị Th1 (là bạn gái của L), tài khoản số 1008.7064.4296 mang tên Trịnh Ngọc Hùng tại Ngân hàng Vietin Bank; tài khoản số 0150.1000.0265.4008 của Vũ Trần L và tài khoản số 0150.1000.0214.1003 của chị Nguyễn Thị Thủy (là bạn của L) đều tại Ngân hàng OCB Phương Đông.

Tin tưởng L, nên trong thời gian từ ngày 11/5/2020 đến giữa tháng 8/2020, chị M đã 09 (chín) lần chuyển tiền qua tài khoản cho L, với tổng số tiền là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng). Trong đó, 02 (hai) lần chuyển vào tài khoản 106870644321 (của chị Th1) với tổng số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), 01 (một) lần chuyển vào tài khoản 100870644296 (của Hùng) số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng), 04 (bốn) lần chuyển vào tài khoản 0150.1000.0265.4008 (của L) tổng số tiền là 40.500.000đ (bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng), 01 (một) lần chuyển vào số tài khoản 0150.1000.0214.1003 (của chị Thủy) với số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) và 01 (một) lần chuyển qua tài khoản ngân hàng không nhớ rõ số tài khoản với số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng). Ngoài ra, chị M còn trực tiếp đưa tiền mặt cho L nhiều lần với tổng số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Sau khi nhận tiền, L đã sử dụng hết số tiền trên vào mục đích cá nhân.

Mặc dù không thực hiện hành động nào để xin việc cho chị M nhưng L vẫn lấy danh nghĩa người tên D liên lạc và hứa hẹn đến ngày 20/8/2020, chị M sẽ có quyết định tuyển dụng vào làm việc tại trường Trung học phổ thông Hoàng Quốc Việt.

Quá trình chờ làm lễ cúng “cắt duyên âm”, chị M yêu cầu được tham gia lễ cúng thì L nài ra nhiều lý do để không cho chị M tham dự. Đến khoảng cuối tháng 3/2021, chị M không nhờ cúng nữa mà yêu cầu L trả lại tiền thì L nói đã mua lễ vật hết 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Khi thấy quá thời hạn mà chưa nhận được quyết định tuyển dụng của cơ quan, tổ chức nào, nên chị M đã gặp L nhiều lần để hỏi lý do và yêu cầu L trả lại số tiền đã chuyển cho L để xin việc. L đã viết giấy nhận nợ chị M tổng số tiền 106.000.000đ (một trăm linh sáu triệu đồng), trong đó bao gồm 100.000.000đ tiền xin việc và 6.000.000đ tiền công làm lễ cúng.

Sau nhiều lần chị M yêu cầu, L đã chuyển trả cho chị M 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng), sau đó không trả tiếp nên ngày 16/3/2021, chị M đã trình báo sự việc trên với cơ quan điều tra và yêu cầu L phải trả lại số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Trần L khai nhận như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Hiện nay, bị cáo đã bồi thường cho chị M 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng), nếu chị M yêu cầu bị cáo phải trả cho chị số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), bị cáo đồng ý.

Bị hại chị Nguyễn Thị M có lời khai: Chị và Vũ Trần L có quan hệ bạn bè ngoài xã hội với nhau, thỉnh thoảng hai người có nhắn tin qua lại nói chuyện. Do tin tưởng L nên khi L nói có quen bạn làm thầy cúng để nhờ cắt duyên âm cho chị, chị đã đưa cho L 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) và 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) để L nhờ người xin việc cho chị. Sau này chị mới biết những người nhận giúp chị qua L là do L tự đóng giả để chiếm đoạt tiền của chị tiêu xài cá nhân. Hiện tại, bị cáo mới trả cho chị 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng), còn 6.000.000đ (sáu triệu đồng) tiền chị đưa L làm lễ chị không yêu cầu trả. Tại phiên tòa, chị yêu cầu bị cáo phải trả cho chị số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th1 vắng mặt tại phiên tòa, có lời khai tại cơ quan điều tra như sau: Trong khoảng thời gian chị và L yêu nhau, từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 4 năm 2021, L có sử dụng tài khoản Ngân hàng của chị để giao dịch với nhiều người. Trong đó, có một lần chị M chuyển vào tài khoản của chị 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Số tiền này L dùng thẻ ATM của chị đi rút tiền nhiều lần, mục đích L sử dụng số tiền đó chị không nắm được và chị không được hưởng lợi từ số tiền đó.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th2 vắng mặt tại phiên tòa, có lời khai tại cơ quan điều tra như sau: Chị và L có mối quan hệ bạn bè với nhau. Do có chơi với nhau nên khi L nhờ chị làm hộ thẻ ngân hàng OCB mang tên chị, chị đã đồng ý. Việc L nhờ chị làm hộ thẻ để đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác chị không biết và bản thân không được hưởng lợi từ hành vi lừa đảo của bị cáo.

Chị Trần Thị Th3 có lời khai: Chị là mẹ bị cáo Vũ Trần L, ở cùng nhà với L. Việc L và chị M có quan hệ bạn bè với nhau, L lợi dụng lòng tin của chị M để lừa tiền chị M về việc cắt duyên âm và xin việc làm chị không biết. Chị không được hưởng lợi từ số tiền L lừa đảo của chị M.

Tại Cáo trạng số: 118/CT- VKS - ĐT ngày 18-10-2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã ĐT truy tố bị cáo Vũ Trần L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã ĐT tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo bản Cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 31/5/2021.

+ Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586 Bộ luật Dân sự; Điều 246 Bộ luật tố tụng Dân sự: Buộc bị cáo Vũ Trần L trả cho chị Nguyễn Thị M số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng)

Bị cáo không tranh L với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an thị xã ĐT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐT, kiểm sát viên Th1 thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ cũng như hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã được Th1 thập và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội đối với bị cáo:

Lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết L: Khoảng thời gian từ tháng 3/2020 đến tháng 8/2020, tại phường Mạo Khê, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, Vũ Trần L đã có hành vi gian dối (dưới hình thức đóng giả là thầy cúng để làm lễ cắt duyên âm và người có khả năng xin được việc làm) chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị M số tiền 112.000.000đ (Một trăm mười hai triệu đồng).

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐT truy tố và kết luận về hành vi phạm tội đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Bị cáo là người trưởng thành, bản thân bị cáo nhận thức rõ việc đưa ra những thông tin gian dối, không đúng sự thật, lợi dụng lòng tin của bị hại về việc quen người cắt duyên âm và xin việc làm để bị hại tin tưởng giao tiền lớn, nhằm chiếm đoạt tiền

của bị hại để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây bức xúc cho quần chúng nhân dân. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm với hành vi của mình gây ra.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện khắc phục được số tiền 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) cho bị hại, bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, căn cứ vào nhân thân, hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, hoặc tịch Th1 một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét bị cáo không có tài sản riêng, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo và bị hại đã thỏa Th1ận với nhau về mức bồi thường thiệt hại, cụ thể bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại tổng số tiền 106.000.000đ (một trăm linh sáu triệu đồng), giai đoạn điều tra bị cáo đã bồi thường cho bị hại 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng), bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bị hại 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Xét thấy việc thỏa Th1ận giữa bị cáo và bị hại là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên HĐXX ghi nhận sự thỏa Th1ận trên.

[6] Những tình tiết khác trong vụ án:

Liên quan trong vụ án còn có chị Nguyễn Thị Th1 và chị Nguyễn Thị Thủy là những người đã cho L sử dụng tài khoản ngân hàng, quá trình điều tra xác định chị Th1, chị Thủy không biết việc L sử dụng tài khoản ngân hàng của mình vào việc phạm tội; đối với số tài khoản 100870644296 ngân hàng Vietin Bank mang tên Trịnh Ngọc Hùng, quá trình điều tra L khai do L nhật được chứng minh thư của người có tên Trịnh Ngọc Hùng rồi tự đi đăng ký tài khoản, hiện tại chưa xác định được lai lịch, địa chỉ của người này, nên không đề cập xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm c khoản 2 Điều 174; khoản 1 Điều 48; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;
- Khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự;
- Điều 584, khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586 Bộ luật Dân sự; Điều 246 Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức Th1, miễn, giảm, Th1, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Vũ Trần L phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

2. *Về hình phạt:* Xử phạt bị cáo Vũ Trần L 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 31/5/2021.

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo Vũ Trần L bồi thường cho chị Nguyễn Thị M số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bị hại, nếu bị cáo không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. *Về án phí:* Bị cáo Vũ Trần L phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th1ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thị xã ĐT;
- TTG Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Quảng Ninh;
- CQ CSĐT Công an TX. ĐT;
- CQ THA HS Công an TX. ĐT;
- Chi cục THA DS Thị xã ĐT;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trần Thị Như Quỳnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Như Quỳnh

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thị xã ĐT;
- TTG Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Quảng Ninh;
- CQ CSĐT Công an TX. ĐT;
- CQ THA HS Công an TX. ĐT;
- Chi cục THA DS Thị xã ĐT;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Như Quỳnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Như Quỳnh

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thị xã ĐT;
- NTG Công an thị xã ĐT;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Quảng Ninh;
- Công an Thị xã ĐT;
- Chi cục THA DS Thị xã ĐT;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Như Quỳnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Như Quỳnh

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thị xã ĐT;
- NTG Công an thị xã ĐT;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Quảng Ninh;
- Công an Thị xã ĐT;
- Chi cục THA DS Thị xã ĐT;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Như Quỳnh

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thị xã ĐT;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Quảng Ninh;
- Công an Thị xã ĐT;
- Chi cục THA DS Thị xã ĐT;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Như Quỳnh